



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 15, Số 1 (2018): 152-161

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 15, No. 1 (2018): 152-161

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: <http://tckh.hcmue.edu.vn>

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TẠO LẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN DỰA TRÊN TIẾN TRÌNH

*Lê Thị Ngọc Chi**

Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 11-11-2017; ngày nhận bài sửa: 27-12-2017; ngày duyệt đăng: 22-01-2018

TÓM TẮT

Bài viết nêu lên các đặc điểm của văn bản nghị luận (VBNL), phân tích các vấn đề cơ bản của phương pháp (PP) dạy học tạo lập văn bản (TLVB) dựa trên tiến trình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các hoạt động dạy học TLVB nghị luận dựa trên tiến trình, bao gồm: hoạt động hình thành ý tưởng, viết nháp và chỉnh sửa văn bản (VB).

Từ khóa: phương pháp dạy viết, tiến trình của hoạt động viết, văn bản nghị luận.

ABSTRACT

Organizing activities for teaching persuasive text writing based on the process

The paper outlines the characteristics of the persuasive text and the basics of the process-based teaching of text composition. Based on that, the paper proposes the teaching activities of persuasive text writing, including the prewriting, drafting, and editing activities.

Keywords: methods of teaching writing skill, persuasive text, writing process.

1. Đặt vấn đề

Văn bản nghị luận là loại VB có vai trò quan trọng nhằm thể hiện quan điểm của bản thân người viết về các vấn đề trong đời sống. Newell và nhóm nghiên cứu (2011) cho rằng: “Khả năng viết một bài nghị luận có chất lượng tốt với việc nêu lên những lí lẽ, lí do xác đáng và bằng chứng thuyết phục, chính là những kĩ năng tranh luận cần thiết cho sự thành công trong việc học.” (Dẫn theo Mills và Dooley, 2014, p.33). Butler và các cộng sự (2005) cũng khẳng định: “Việc viết văn nghị luận như là một công cụ hiệu quả để thể hiện bản thân, để nêu lên và làm rõ một quan điểm, và là một phương tiện để thể hiện trách nhiệm xã hội. Dù với bất cứ lí do gì, những kĩ năng viết văn nghị luận luôn là những kĩ năng cần thiết cho học sinh (HS) ở mọi nơi” (Butler, Sellers, Bohlen, Barfield và Smagorinsky, 2005, p.3).

Trong chương trình Ngữ văn phổ thông ở Việt Nam hiện nay, HS bắt đầu được học tạo lập VBNL từ lớp 7 và tiếp tục được nâng cao dần các kĩ năng trong các cấp lớp tiếp theo, cho đến lớp 12. Điều này đòi hỏi giáo viên (GV) Ngữ văn phải có kiến thức chuyên sâu về VB này và sử dụng các PP dạy học (PPDH) phù hợp với đặc trưng của việc dạy học (DH) tạo lập VB (còn gọi là dạy Làm văn). Để hình thành cho HS các kĩ năng tạo lập

* Email: ngocchi.sp@gmail.com

VBNL, bên cạnh việc sử dụng các PPDH phổ biến trong DH làm văn như: PP quan sát, PP phân tích mẫu, PP thực hành; GV cần quan tâm đến PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình - đây cũng là PP đã được sử dụng phổ biến ở các nước trên thế giới.

2. Cơ sở đề xuất hoạt động DH tạo lập VBNL dựa trên tiến trình

2.1. Đặc điểm của VBNL

Là một loại VB được dạy ở trường trung học, VBNL được hiểu như sau: “Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế, văn nghị luận phải có **luận điểm rõ ràng, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục**”. (Ngữ văn 7, tập 2, 2014, tr.9).

Cụ thể hơn, trong “Kĩ năng làm văn nghị luận phổ thông”, Nguyễn Quốc Siêu (1998) đã trình bày: “Văn nghị luận là loại văn chương **nghị sự, luận chứng, phân tích lí lẽ**. Nó là tên gọi chung một thể loại văn vận dụng các hình thức tư duy logic như khái niệm, phán đoán, suy lí và **thông qua việc nêu sự thực, trình bày lí lẽ, phân biệt đúng sai** để tiến hành phân tích luận chứng khoa học đối với khách quan và quy luật bản chất của sự vật, từ đó nhằm biểu đạt tư tưởng, chủ trương, ý kiến, quan điểm của tác giả” (tr.7).

Như vậy, để trình bày cho người đọc, người nghe về một quan điểm, VBNL phải xây dựng được một hệ thống lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục. Nguyễn Quốc Siêu (1998) đã xác định ba đặc trưng chủ yếu của VBNL là: “(1) Tính triết lí sâu sắc, (2) Tính biện luận mạnh mẽ, và (3) Tính thuyết phục lớn lao” (tr.15). Sách Ngữ văn 7 tập 2 dựa trên các yếu tố chính của VBNL là luận điểm, luận cứ và lập luận để xác định đặc điểm của VBNL. Theo đó, VBNL có các đặc điểm như sau:

- Mỗi bài văn nghị luận đều phải có luận điểm, luận cứ và lập luận. Trong mỗi bài văn có thể có một luận điểm chính và các luận điểm phụ.
- Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định), được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.
- Luận cứ là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận cứ phải chân thật, đúng đắn, tiêu biểu thì mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục.
- Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ, hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

(Ngữ văn 7 tập 2, 2014, tr.19)

Mills và Dooley (2014) đã dựa trên các kết quả nghiên cứu của Derewianka (2011); Droga & Humphrey (2003); Toulmin (2003) để chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận như sau:

Bảng 1. Đặc điểm của VBNL

<p>Mục đích Đề tranh luận về một vấn đề với những dẫn chứng cụ thể, đôi khi là nhằm mục đích thuyết phục người nghe, người đọc về một hành động</p>
<p>Cấu trúc đặc trưng: 1. Bối cảnh: người viết giới thiệu vấn đề để tạo ngữ cảnh cho việc trình bày quan điểm của bản thân, đây là phần đặc biệt quan trọng để phát triển bài văn 2. Luận đề: là lời phát biểu về vấn đề trọng tâm được bàn luận trong bài văn 3. Hệ thống luận điểm, luận cứ: là sự sắp xếp, trình bày một cách logic các luận điểm, luận cứ 4. Củng cố quan điểm: khẳng định lại quan điểm đã được người viết làm sáng tỏ thông qua những lập luận trước đó</p>
<p>Cách thức diễn đạt đặc trưng: - Thường sử dụng các ngữ định danh - Sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành để nêu dẫn chứng liên quan - Sử dụng các động từ tư duy hay suy luận để diễn đạt ý kiến trực tiếp - Sử dụng phép ẩn dụ để diễn đạt ý kiến một cách gián tiếp - Phương thức trình bày phù hợp với trình độ người tiếp nhận - Sử dụng hợp lí các cách bảo vệ và nhấn mạnh ý kiến của bản thân - Sử dụng các phép liên kết trong văn bản để giới thiệu và liên kết các luận điểm</p>

(Mills & Dooley, 2014, p.35)

Từ cách xác định đặc điểm của VBNL ở trên, ta có thể thấy đặc điểm nổi bật của VBNL chính là cách sắp xếp các luận điểm và sử dụng các luận cứ một cách hiệu quả để tạo ra được những lập luận thuyết phục, làm sáng tỏ quan điểm của người viết. Theo đó, ta cũng có thể hình dung được những công việc chính mà người viết cần làm trong quá trình tạo lập một VBNL là: hình thành ý tưởng về đề tài, xác định các luận điểm, triển khai các luận cứ cho mỗi luận điểm và xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ cho VB dựa trên các luận điểm, luận cứ đã có. Mỗi công việc này đều có vai trò quan trọng và đòi hỏi ở người viết những kĩ năng nhất định.

2.2. PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình

Điềm qua một số tài liệu nghiên cứu về tiến trình tạo lập VB, chúng tôi nhận thấy có nhiều cách gọi tên các giai đoạn trong tiến trình. Cụ thể, đó là các giai đoạn:

- + Trước khi viết – viết – sau khi viết (Murray, 1972);
- + Kích hoạt kiến thức nền – lập kế hoạch – chuyển dịch ý tưởng thành VB – chỉnh sửa (Hayes và Flower, 1981) (Dẫn theo Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyên Hương Thảo, 2017, tr.117);
- + Lập kế hoạch – viết nháp – điều chỉnh ý tưởng – sửa lỗi - xuất bản (Theo *Guidance on the teaching of writing skills*, 2010; *Strategies for teaching writing*, 2004);
- + Hình thành ý tưởng – viết nháp – điều chỉnh ý tưởng – sửa lỗi (Theo *The Writing Process*).

Tuy có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng chúng ta có thể thấy được sự thống nhất về các hoạt động tư duy diễn ra trong quá trình viết (hình thành - sắp xếp - trình bày - điều chỉnh ý tưởng để tạo thành một VB hoàn chỉnh); đồng thời cũng thấy được hoạt động viết là một tiến trình “ đan xen của các hoạt động: viết, xem lại, chỉnh sửa, viết” (Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyên Hương Thảo, 2017, tr.118). Vậy, nếu chúng ta chỉ chú trọng dạy HS tạo ra một VB cuối cùng như là một sản phẩm và chỉ đánh giá HS dựa trên VB cuối cùng thì có nghĩa là chúng ta đã bỏ qua tiến trình tạo lập VB, bỏ qua việc dạy cho HS hiểu được bản chất của hoạt động viết, và bỏ qua nhiều cơ hội để hỗ trợ HS từng bước cải thiện kĩ năng viết. Khi đó, “việc dạy viết có nguy cơ trở thành việc dạy bằng cách sửa lỗi – dạy sau khi hoạt động viết đã hoàn thành – thay vì dạy ở từng thời điểm mà người viết tập trung thể hiện và khám phá những cách giải quyết vấn đề trong tiến trình viết” (*Guidance on the teaching of writing skills*, 2010, p.21)

Theo Murray (1972), tạo lập VB “không phải là vấn đề của việc đúng hay không đúng, không phải là vấn đề có tính quy ước. Đây là vấn đề quan trọng hơn rất nhiều. Người viết, trong lúc viết, đã thực hiện những quyết định dựa trên các nguyên tắc ứng xử trong xã hội. Người viết sử dụng ngôn ngữ để thể hiện suy nghĩ chân thực của bản thân mình với mọi người; không kiểm tra từ ngữ của mình bằng một quy tắc nào đó mà bằng chính cuộc sống. Đó là một quá trình của sự hứng thú, của sự kết nối các sự kiện, của những suy luận.” (p.4). Vì vậy, cũng theo Murray (1972), trong DH tạo lập VB, “thay vì dạy HS tạo ra sản phẩm cuối cùng, chúng ta nên dạy cho HS hiểu tạo lập VB là một tiến trình không có điểm dừng” (Dẫn theo Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyên Hương Thảo, 2017, tr.118-119). Đồng quan điểm với Murray, tài liệu *Guidance on the teaching of writing skills* (2010) cũng khẳng định: “GV cần thiết phải dạy HS viết thông qua toàn bộ tiến trình viết để tiến trình này trở nên quen thuộc với HS và được HS hiểu một cách thấu đáo” (p.21).

Trên cơ sở tổng hợp một số tài liệu nghiên cứu về DH tạo lập VB dựa trên tiến trình, Nguyễn Thị Hồng Nam và Trần Nguyên Hương Thảo (2017) đã nêu cách hiểu về PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình như sau: “Các định nghĩa về PP dạy viết dựa trên tiến trình đều nhấn mạnh việc tổ chức hoạt động dạy viết dựa trên các bước của quá trình tạo lập VB và các hoạt động tư duy xảy ra trong tiến trình đó, vai trò của sự tương tác giữa GV và HS - người viết, giữa những HS - người viết trong lớp học đối với hoạt động tạo lập VB” (tr.119).

Với PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình, vai trò của GV và HS có thể được trình bày cụ thể như ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Vai trò của GV và HS trong DH tạo lập VB dựa trên tiến trình

Vai trò của GV	Vai trò của HS
<p>“Trợ giúp, tư vấn; là người đọc, người lắng nghe; là người tạo ra môi trường để HS cảm thấy thoải mái, tự tin tìm ra giọng điệu của chính mình để chia sẻ sản phẩm của họ” (Hyland, 2003; dẫn theo Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyên Hương Thảo, 2017, tr.120)</p> <p>“GV có cơ hội và trách nhiệm xác định các hoạt động học tập cho HS và hướng dẫn HS đi qua từng giai đoạn trong tiến trình cho đến khi HS viết được VB hoàn thiện.” (<i>Strategies for teaching wrting</i>, 2004, p.4)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học cách tạo lập VB theo từng giai đoạn trong tiến trình - Phản hồi; đánh giá bài viết của bạn - Tự đánh giá; đóng vai người đọc, đọc lại sản phẩm của mình - Chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn <p>(Nguyễn Thị Hồng Nam và Trần Nguyên Hương Thảo, 2017)</p>

Như vậy, PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình có những điểm tích cực, vừa phù hợp với bản chất của hoạt động viết, vừa phù hợp với việc DH nhằm phát triển năng lực người học, như: lấy hoạt động của HS làm trung tâm, giúp HS tự kiến tạo kinh nghiệm tạo lập VB, phát huy vai trò tổ chức và định hướng của GV.

3. Tổ chức hoạt động DH tạo lập VBNL dựa trên tiến trình

Từ những cơ sở đã trình bày ở mục 2, chúng tôi đề xuất các hoạt động DH tạo lập VBNL ở ba giai đoạn: hình thành ý tưởng, viết nháp và chỉnh sửa bài viết. Sở dĩ chúng tôi chọn ba giai đoạn này vì tính chất tiêu biểu của chúng trong nhiều tài liệu, và cũng vì sự phù hợp về nội dung của các giai đoạn với nội dung những bài học tạo lập VBNL trong chương trình Ngữ văn hiện hành, ví dụ như: *Phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận, Luyện tập viết đoạn văn nghị luận...* Với các hoạt động đề xuất, chúng tôi tập trung vào các yêu cầu sau đây: HS được khuyến khích tự do thể hiện suy nghĩ của bản thân; được góp ý và lắng nghe ý kiến góp ý, tự đánh giá, tự điều chỉnh và hoàn thiện VB.

3.1. Hoạt động hướng dẫn HS hình thành ý tưởng

Hình thành ý tưởng là một giai đoạn rất quan trọng trong tiến trình viết. Murray (1972) cho rằng thời gian để người viết chuẩn bị trước khi viết chiếm 85% lượng thời gian của hoạt động viết. Để hướng dẫn HS hình thành ý tưởng cho một VBNL, GV có thể tổ chức các hoạt động sau đây:

(1) Hoạt động xác định luận đề (vấn đề chính được bàn luận trong VB)

Sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS xác định luận đề và hướng triển khai cho VBNL là cách thức phổ biến. Bên cạnh việc hỏi đáp thông thường, GV có thể thiết kế các phiếu học tập để HS trả lời ngắn gọn trên phiếu. Ví dụ:

Bảng 3. Phiếu hướng dẫn cách xác định luận đề

Tên HS:	
Câu hỏi	Câu trả lời ngắn gọn
1. Tôi sẽ viết bài văn về vấn đề gì? (Nên viết thành một câu hỏi)
2. Ai có thể là người đọc bài văn của tôi?	
3. Tôi sẽ chia sẻ với người đọc những điều gì về vấn đề này? (Trả lời ngắn gọn cho câu hỏi ở trên)
4. Tôi cần làm gì để thuyết phục người đọc đồng ý với những ý kiến bàn luận của tôi?	
5. Tôi cần tìm kiếm những thông tin nào để viết?	
6. Tôi sẽ tìm những thông tin đó ở đâu?	
7. Tôi có/ cần bao nhiêu thời gian để hoàn thành bài văn?	

Sau khi trả lời các câu hỏi trên, HS sẽ chia sẻ các ý tưởng với một người bạn (chia sẻ theo cặp). Việc chia sẻ này giúp HS có cơ hội lắng nghe ý kiến của người khác, thể hiện ý kiến của bản thân và điều chỉnh ý kiến của bản thân nếu cần thiết. GV có thể lắng nghe ý kiến của các nhóm HS và quan sát tình hình chung để có những hướng dẫn kịp thời. Ví dụ, với câu hỏi số 1, GV nên khuyến khích HS viết vấn đề mà mình sẽ bàn luận dưới dạng một câu hỏi. Việc này có tác dụng giúp HS tập trung vào mục đích và vấn đề chính của bài viết, những lập luận đặt ra trong bài viết chính là câu trả lời cho câu hỏi đã được đặt ra (Whitaker, 2009). Hoặc với câu hỏi số 2 trong phiếu học tập, HS có thể suy nghĩ phiến diện: chỉ có GV là người đọc bài viết của các em. Trong trường hợp đó, GV có thể gợi ý để HS hiểu viết một VBNL cũng là thực hiện một cuộc giao tiếp. Trừ những đối tượng hướng đến đặc biệt đã được nêu rõ trong đề, thì thông thường, HS nên nghĩ rằng đối tượng mà mình đang nói chuyện, đang thuyết phục chính là bạn bè, là những người có cùng sự hiểu biết giống như các em (Whitaker, 2009).

(2) Hoạt động hình thành hệ thống luận điểm

GV có thể hướng dẫn HS sử dụng phiếu học tập dạng “Bốn ô vuông” (Four-square). Đây là cách giúp HS vừa triển khai được hệ thống luận điểm, vừa luôn bám sát luận đề và dễ dàng xác định cấu trúc bài viết.

Bảng 4. Phiếu học tập dạng “Bốn ô vuông”

Tên HS:	
(1) Luận điểm 1	(2) Luận điểm 2
<div style="border: 2px solid black; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Luận đề</div>	
(3) Luận điểm 3	(4) Luận điểm 4

Ở hoạt động này, GV chỉ yêu cầu HS viết một câu hoặc một cụm từ để thể hiện luận điểm; câu hoặc cụm từ này nên được viết lớn hoặc viết bằng một màu mực nổi bật để phân biệt với các luận cứ. Phiếu học tập này có thể sử dụng cho cá nhân hoặc từng nhóm HS. Và cũng như hoạt động trên, sau khi hoàn thành, HS sẽ chia sẻ ý tưởng với GV và bạn học. Nội dung của mỗi ô vuông có thể thay đổi linh hoạt tùy theo kế hoạch của GV, ví dụ như GV mong muốn HS chọn 2 luận điểm chính để triển khai bài viết thì ô vuông (1) có thể thay thế bằng ý tưởng viết mở bài, ô vuông (4) có thể thay thế bằng ý tưởng viết phần kết bài.

(3) Hoạt động hình thành luận cứ

HS tiếp tục hoàn thành phiếu học tập “Bốn ô vuông” bằng cách nêu ngắn gọn các luận cứ của mỗi luận điểm ở từng ô vuông. Để làm cho hình thức chia sẻ và đánh giá các ý tưởng giữa các HS với nhau đa dạng hơn, bên cạnh việc cho HS đối thoại trực tiếp, GV có thể thiết kế trên phiếu học tập có phần trống để HS khác viết ý kiến góp ý, và một phần trống khác dành cho ý kiến của HS được góp ý.

Bên cạnh phiếu học tập “Bốn ô vuông”, GV có thể sử dụng phiếu học tập có hình thức “Bảng chia 3” (Three-column chart) để hướng dẫn HS thảo luận, điều chỉnh hệ thống luận điểm và luận cứ khi tạo lập VBNL (Cunningham & Streicher, 2007). “Bảng chia 3” có hình thức thuận lợi để HS tranh luận bằng ngôn ngữ viết.

Bảng 5. Phiếu học tập dạng “Bảng chia 3”

Tên HS (người viết)		
Cột 1	Cột 2	Cột 3
Luận điểm và luận cứ	Ý kiến của HS	Ý kiến của người viết
<i>HS viết ngắn gọn một luận điểm và tối thiểu một luận cứ phục vụ cho luận điểm đã viết</i>	<i>HS viết rõ quan điểm, lí lẽ của mình để tranh luận với nội dung cột 1</i>	<i>HS bổ sung/ thay đổi các luận cứ để thuyết phục bạn học về luận điểm đã nêu. HS có thể sử dụng nội dung ở cột 2 để bổ sung thêm luận điểm/ luận cứ cho bài viết nếu thấy nội dung ở cột 2 là hợp lí</i>

Khi hướng dẫn HS sử dụng “Bảng chia 3”, GV khuyến khích HS được hỏi ý kiến (HS làm cột 2) nên viết ý có tính chất tranh luận, bổ sung, không nên lặp lại nội dung ở cột 1; và các HS chỉ nên thảo luận với nhau từng luận điểm chứ không phải nhiều luận điểm cùng lúc. Điều này vừa giúp HS tập trung bàn luận về một khía cạnh cụ thể của đề tài nghị luận, vừa giúp củng cố thêm tính thuyết phục của luận điểm được nêu ở cột 1.

3.2. Hoạt động hướng dẫn HS viết nháp

Chuyên ý tưởng thành lời văn có thể là một thử thách với HS. GV hướng dẫn HS viết những ý tưởng đã hình thành thành các đoạn văn, mỗi luận điểm và hệ thống luận cứ của nó nên được trình bày thành một đoạn văn. Ở hoạt động này GV khuyến khích HS hãy viết liền một mạch, chú ý đến tính logic của các luận điểm, các luận cứ trong luận điểm và lập luận để làm sáng tỏ luận điểm. HS có thể tạm bỏ qua các vấn đề về chính tả, lựa chọn từ

ngữ hay lựa chọn phương tiện liên kết câu, đoạn trong giai đoạn này. Theo tài liệu *The Writing Process*, “chìa khóa của giai đoạn này là tránh kiểm tra và chỉnh sửa cho đến khi các ý tưởng được viết hết ra. Dừng lại và thực hiện những chỉnh sửa nhỏ có thể làm gián đoạn suy nghĩ của người viết. Hiểu được sự khác biệt giữa viết nháp và chỉnh sửa cũng giúp người viết tiết kiệm được thời gian.” (*The Writing Process*, p.20). Vấn đề quan trọng trong giai đoạn này là bám sát luận đề, luận điểm và luận cứ đã được hình thành ở giai đoạn trước và xây dựng được các lập luận thuyết phục trong mỗi đoạn văn.

3.3. Hoạt động hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết

Đây là hoạt động mà HS thường ít chú ý khi TLVB. GV nên lưu ý lặp lại nhiều lần hoạt động này trong các giờ thực hành để tạo cho HS thói quen tự chỉnh sửa bài viết. Nội dung chính của hoạt động này là điều chỉnh các ý tưởng nếu cần, kiểm tra và sửa lỗi của bài viết.

GV hướng dẫn HS tự đọc lại bài viết, việc này giúp HS có cơ hội đóng vai người đọc, tự đánh giá bài viết của mình. Trong lúc tự kiểm tra, HS đánh dấu những từ ngữ muốn thay thế hoặc lỗi chính tả, ngữ pháp; ghi chép nhanh những ý tưởng muốn bổ sung, thay thế. GV có thể hỗ trợ HS bằng cách cho HS sử dụng một bảng tự kiểm tra như Bảng 6 dưới đây:

Bảng 6. Phiếu tự kiểm tra bài viết

(Tham khảo và tổng hợp từ Whitaker, 2009, p.20 và Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyễn Hương Thảo, 2017, tr.123)

<p>Sự tập trung vào luận đề</p> <p><input type="checkbox"/> Bài viết có luận đề rõ ràng</p> <p><input type="checkbox"/> Nội dung các đoạn văn trong bài đều tập trung vào luận đề</p>
<p>Cấu trúc, tính mạch lạc</p> <p><input type="checkbox"/> Bố cục đầy đủ, rõ ràng với 3 phần: mở đầu, thân bài, kết luận</p> <p><input type="checkbox"/> Thứ tự các đoạn văn hợp lí</p> <p><input type="checkbox"/> Các câu trong đoạn gắn kết với nhau</p> <p><input type="checkbox"/> Các đoạn trong bài gắn kết với nhau</p>
<p>Mở đầu</p> <p><input type="checkbox"/> Đoạn mở đầu ngắn gọn</p> <p><input type="checkbox"/> Đoạn mở đầu giới thiệu được vấn đề cần bàn luận</p>
<p>Thân bài</p> <p><input type="checkbox"/> Mỗi đoạn văn đều có câu thể hiện luận điểm rõ ràng</p> <p><input type="checkbox"/> Mỗi luận điểm đều được giải thích, chứng minh thuyết phục</p> <p><input type="checkbox"/> Các dẫn chứng được trích dẫn đảm bảo tính chính xác và có nguồn gốc rõ ràng</p> <p><input type="checkbox"/> Từ ngữ liên kết, chuyển ý giữa các đoạn văn phù hợp</p>
<p>Kết luận</p> <p><input type="checkbox"/> Đoạn kết bài có sự gắn kết với đoạn cuối của thân bài, không xuất hiện đột ngột</p> <p><input type="checkbox"/> Đoạn kết bài tóm tắt được những ý chính của cả bài viết, nhấn mạnh luận đề</p>

Sau khi HS đã đọc lại, GV cho HS thời gian để chỉnh sửa các ý tưởng trong bài viết cũng như kiểm tra và sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

Theo Whitaker (2009), đối với HS, việc chỉnh sửa bài viết, ở những lần đầu thực hiện, sẽ là một hoạt động không thú vị, tốn thời gian vì HS phải vừa đọc chậm vừa tự nhận xét; tuy nhiên khi HS đã quen với hoạt động này thì nó trở nên dễ dàng hơn và khả năng viết của HS cũng sẽ tiến bộ hơn.

Với các hoạt động DH nói trên, HS có thể từng bước hình thành và phát triển các năng lực tạo lập VBNL như: năng lực phân tích đề; năng lực xây dựng luận điểm, luận cứ; năng lực lập luận; năng lực tổ chức và chỉnh sửa VB. Từ đó, HS nhận thức rõ hơn về tiến trình tạo lập một VB, có điều kiện “làm việc” với VB của mình nhiều lần để viết được một VB tốt hơn. Việc tổ chức các hoạt động dạy học tạo lập VBNL theo tiến trình có thể được vận dụng linh hoạt tùy theo điều kiện về thời gian cho phép và nội dung bài học. Quan trọng hơn hết là GV cần ý thức được vai trò quan trọng của mỗi giai đoạn trong tiến trình TLVB, và những kỹ năng TLVB mà HS cần được hình thành ở mỗi giai đoạn.

4. Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã đề xuất những hoạt động DH tạo lập VBNL dựa trên tiến trình tạo lập VB. Những đề xuất này được xây dựng trên cơ sở tham khảo một số tài liệu trong và ngoài nước đã nghiên cứu về VBNL, PPDH tạo lập VB dựa trên tiến trình, các PPDH tạo lập VB nói chung và VBNL nói riêng.

Yêu cầu quan trọng trong DH tạo lập VBNL là hình thành và phát triển các năng lực tạo lập VBNL cho HS thông qua các hoạt động DH. Với những vấn đề đã phân tích trong bài viết, chúng tôi cho rằng việc dựa trên tiến trình của hoạt động viết để thiết kế và tổ chức các hoạt động DH tạo lập VBNL là một PPDH phù hợp, đáp ứng được yêu cầu trên. Thông qua việc thiết kế các hoạt động DH tạo lập VBNL, chúng tôi cũng muốn nhấn mạnh mối liên hệ giữa tiến trình của hoạt động viết với PPDH tạo lập VB, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết của việc giúp HS hiểu được trong tạo lập VB, mỗi giai đoạn đều có vai trò nhất định, và biết cách làm thế nào để tạo lập một VB là tiền đề quan trọng để viết được một VB hoàn chỉnh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Ngữ văn 7, tập 2*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thị Hồng Nam, Trần Nguyễn Hương Thảo. (2017). Dạy tạo lập văn bản dựa trên tiến trình- những bài học kinh nghiệm cho dạy tạo lập văn bản ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 14, Số 4b (2017)*, 116-126.
- Nguyễn Quốc Siêu. (1998). *Kỹ năng làm văn nghị luận phổ thông*. NXB Giáo dục.
- ASCD. (2014). *Strategies for teaching wrting*. Retrieved from http://www.ascd.org/ASCD/pdf/books/caswellAT2004_sample_pages.pdf
- Butler, K., Sellers, D., Bohlen, M., Barfield, V., Smagorinsky, P. (2005). *Persuasive Writing Unit*. Retrieved from http://smago.coe.uga.edu/Writing_Units/Barfield_Bohlen_Butler_Sellers.pdf
- Capella University. *The Writing Process*. Retrieved from <http://www.capella.edu/interactivemedia/onlineWritingCenter/downloads/TheWritingProcess.pdf>
- Cunningham, C., Streicher, M. (2007). *The Methodology of Persuasion: A Process-Based Approach to Persuasive Writing*. http://www.law.byu.edu/Law_Library/jlwi/archives/2007/LWI-13Cunningham.pdf
- Cymry Ifanc Young Wales. (2010). *Guidance on the teaching of writing skills*. Retrieved from <http://learning.gov.wales/docs/learningwales/publications/100524writingen.pdf>
- Mills, K. and Dooley, K. (2014). Teaching persuasive texts: Building a language of evaluation through hedging and moderated intensification. *Literacy Learning: The Middle Years, Volume 22, Number 3, October 2014*, 33-41.
- Murray, D. (1972). *Teach Writing as a Process not Product*. Retrieved from http://www.csun.edu/~krowlands/Content/Academic_Resources/Composition/Processes/Murray-process.pdf
- Whitaker, A. (2009). *Academic Writing Guide, A Step-by-Step Guide to Writing Academic Papers*. City University of Seattle, Bratislava, Slovakia.